

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số.../2025/QH15

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự công ích.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

a) Viện kiểm sát nhân dân (sau đây gọi là Viện kiểm sát), người tiến hành tố tụng thuộc Viện kiểm sát thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn để khởi kiện vụ án dân sự công ích quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết này, Tòa án nhân dân (sau đây gọi là Tòa án), người tiến hành tố tụng thuộc Tòa án có thẩm quyền xét xử vụ án dân sự công ích theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này;

b) Người tham gia tố tụng trong các vụ án dân sự công ích được Viện kiểm sát khởi kiện theo quy định của Nghị quyết này;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Mọi hoạt động tố tụng của Viện kiểm sát, Tòa án bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật, tuân thủ nguyên tắc cơ bản của tố tụng tư pháp, bảo vệ công bằng xã hội và bảo vệ lợi ích công.

2. Việc khởi kiện và giải quyết vụ án dân sự công ích được thực hiện theo Nghị quyết này; trường hợp Nghị quyết này không quy định thì áp dụng quy định tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật khác có liên quan.

3. Viện kiểm sát có trách nhiệm đôn đốc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát chỉ khởi kiện khi không có chủ thể khác khởi kiện.

4. Bảo đảm rõ trách nhiệm của Viện kiểm sát, Tòa án; đồng thời phối hợp chặt chẽ trong thực hiện quyền khởi kiện, quyền kiểm sát, quyền xét xử để tăng cường bảo vệ lợi ích của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công.

5. Các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát và Tòa án trong việc khởi kiện và giải quyết vụ án dân sự công ích để bảo đảm kịp thời, đúng pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Vụ án dân sự công ích* là vụ án dân sự do Viện kiểm sát khởi kiện để Tòa án giải quyết nhằm bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công khi không có cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khởi kiện.

2. *Nhóm dễ bị tổn thương* gồm:

- a) Trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em;
- b) Người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi;
- c) Người khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;
- d) Phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật;
- đ) Người có khó khăn trong nhận thức; làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự;
- e) Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật;
- g) Các đối tượng khác theo quy định của luật.

3. *Lợi ích công* gồm:

- a) Tài sản công, đầu tư công;
- b) Đất đai, tài nguyên, môi trường sinh thái;
- c) An toàn thực phẩm, dược phẩm;
- d) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- đ) Danh dự, hình ảnh, tên tuổi của anh hùng liệt sĩ.

4. *Trường hợp không có người khởi kiện* gồm:

- a) Trường hợp pháp luật chưa quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có quyền, trách nhiệm khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công;

b) Trường hợp pháp luật đã quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công nhưng các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không khởi kiện.

5. *Quyền dân sự* của nhóm dễ bị tổn thương được Viện kiểm sát khởi kiện để bảo vệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

Điều 4. Đương sự trong vụ án dân sự công ích

Đương sự trong vụ án dân sự công ích gồm:

1. Người khởi kiện là Viện kiểm sát khởi kiện để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công;

2. Người bị kiện là tổ chức, cá nhân bị Viện kiểm sát khởi kiện vì có hành vi vi phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công;

3. Người có trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức, cá nhân tuy không khởi kiện, không bị kiện nhưng việc giải quyết vụ án dân sự công ích có liên quan đến trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của họ.

Điều 5. Trường hợp Viện kiểm sát khởi kiện

1.

Phương án 1: Viện kiểm sát qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà phát hiện hành vi vi phạm xâm hại đến quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công, sau khi đã **chuyển thông tin** đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết này và công bố thông tin mà không có chủ thể nào khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện.

Phương án 2: Viện kiểm sát qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình mà phát hiện hành vi vi phạm xâm hại đến quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công, sau khi đã **kiến nghị** với cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết này và công bố thông tin mà không có chủ thể nào khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện.

2.

Phương án 1: Qua giải quyết vụ án, vụ việc, Viện kiểm sát phát hiện hành vi vi phạm xâm hại quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công nhưng chưa được giải quyết trong vụ án, vụ việc, sau khi đã chuyển thông tin đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết này và công bố thông tin mà không có chủ thể nào khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện.

Phương án 2: Viện kiểm sát qua giải quyết vụ án, vụ việc nếu phát hiện các trường hợp sau khi giải quyết trách nhiệm hình sự mà phần dân sự chưa được giải quyết hoặc trường hợp không đến mức phải xử lý hình sự nhưng phải khắc phục hậu quả thiệt hại để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công mà sau khi đã chuyển thông tin/kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết này và công bố thông tin mà không có chủ thể nào đứng ra khởi kiện thì Viện kiểm sát khởi kiện

Điều 6. Thẩm quyền Toà án xét xử vụ án dân sự công ích

1. Toà án khu vực có thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự công ích là Toà án nơi xảy ra hành vi vi phạm hoặc nơi xảy ra hậu quả thiệt hại hoặc nơi cư trú của cá nhân hoặc nơi có trụ sở chính của tổ chức là người bị kiện.

2. Toà án đang giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục sơ thẩm có thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự công ích trong vụ án hình sự đó.

Điều 7. Thời hạn giải quyết vụ án dân sự công ích

Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, thời hạn mở phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm đối với vụ án dân sự công ích không quá hai phần ba thời hạn tương ứng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 8. Thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích

1. Viện kiểm sát khu vực có thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích tương ứng thẩm quyền xét xử của Tòa án khu vực.

Trong trường hợp vụ án dân sự công ích phức tạp, quy mô, giá trị thiệt hại lớn hoặc xảy ra trên địa bàn nhiều khu vực, nhiều tỉnh, có yếu tố nước ngoài thì Viện kiểm sát cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành kiểm tra, xác minh và phân công cho Viện kiểm sát khu vực có thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích.

2. Viện kiểm sát đang kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự theo thủ tục sơ thẩm có thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích trong vụ án hình sự đó.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát

1. Tiếp nhận, xử lý thông tin về hành vi xâm phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công;

2. Xác minh, thu thập, tài liệu, chứng cứ;

3. Yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để giải quyết yêu cầu cấp bách của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công; bảo vệ tài sản, bảo đảm thu thập chứng cứ, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có

tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được, bảo đảm cho việc giải quyết vụ án hoặc việc thi hành án từ khi Viện kiểm sát phát hiện có hành vi xâm phạm.

4. Yêu cầu tổ chức, cá nhân chấm dứt, khắc phục việc xâm phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công;

5. Công bố thông tin; chuyển thông tin đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật;

6. Trực tiếp khởi kiện vụ án dân sự công ích; tham gia phiên toà, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật;

7. Kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án;

8. Kiểm sát hoạt động tố tụng của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật;

9. Kháng nghị, kiến nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật; kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng;

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ

1. Viện kiểm sát tiến hành một hoặc một số biện pháp sau đây để kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ:

a) Thu thập, uỷ thác thu thập, xác minh thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử, vật chứng;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang lưu giữ, quản lý;

c) Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản; trưng cầu ý kiến chuyên gia, đề nghị kiểm toán; khám nghiệm vật chứng;

d) Lấy lời khai, tiến hành đối chất;

đ) Xem xét, thẩm định tại chỗ, kiểm tra hiện trường; thực nghiệm điều tra;

e) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, các cơ quan có liên quan hướng dẫn thi hành Điều này.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi vi phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện hoặc Viện kiểm sát.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu, chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của

Viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; hết thời hạn này mà không thực hiện thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Viện kiểm sát trưng cầu giám định, yêu cầu định giá, đề nghị kiểm toán, trưng cầu ý kiến chuyên gia có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện theo yêu cầu của Viện kiểm sát.

4. Tổ chức, cá nhân không thực hiện yêu cầu của Viện kiểm sát mà không có lý do chính đáng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Việc xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, cá nhân không phải là lý do miễn nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Viện kiểm sát.

Chương II

XÁC MINH THÔNG TIN VÀ THU THẬP CHỨNG CỨ CỦA VỤ ÁN DÂN SỰ CÔNG ÍCH

Điều 12. Nguồn thông tin của vụ án dân sự công ích

1. Thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến Viện kiểm sát;
2. Viện kiểm sát phát hiện qua vụ án, vụ việc khác;
3. Thông tin được phản ánh từ phương tiện truyền thông hoặc dư luận xã hội;
4. Nguồn thông tin hợp pháp khác.

Điều 13. Tiếp nhận thông tin, thụ lý, kiểm tra và xác minh, công bố thông tin

1. Khi tiếp nhận thông tin của vụ án dân sự công ích, nếu thấy có căn cứ thì Viện kiểm sát ra quyết định thụ lý và tiến hành kiểm tra, xác minh để đánh giá tính xác thực của hành vi xâm phạm quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công, tính chất, mức độ vi phạm.

2. Khi xác định có hành vi vi phạm, Viện kiểm sát tiến hành thủ tục công bố trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian 30 ngày. Nội dung công bố thông tin gồm:

- a) Hành vi vi phạm; tình trạng thực tế quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương bị xâm hại quyền, lợi ích công bị xâm hại;
- b) Xác định các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định của pháp luật;
- c) Thời hạn kết thúc công bố thông tin;
- d) Tên Viện kiểm sát công bố thông tin và ngày công bố.

3. Khi kết thúc việc kiểm tra, xác minh, Viện kiểm sát phải ra một trong các quyết định sau đây:

a) Chuyển thông tin đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm thực hiện việc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

b) Đình chỉ việc kiểm tra, xác minh.

4. Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Toà án nhân dân tối cao, các cơ quan có liên quan hướng dẫn thi hành Điều này.

Điều 14. Đình chỉ việc kiểm tra, xác minh

1. Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ kiểm tra, xác minh trong các trường hợp sau đây:

a) Không có hành vi vi phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công;

b) Hành vi vi phạm quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công đã chấm dứt và hậu quả đã được khắc phục toàn bộ;

c) Đã có chủ thể khác khởi kiện vụ án dân sự;

d) Chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương bị xâm phạm quyền dân sự tự nguyện đề nghị không khởi kiện;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ việc kiểm tra, xác minh, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 15. Chuyển thông tin đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm thực hiện việc khởi kiện

1. Sau khi Viện kiểm sát kiểm tra, xác minh mà thấy có hành vi vi phạm xâm hại quyền dân sự của các chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công thì Viện kiểm sát chuyển thông tin đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, trách nhiệm khởi kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để khởi kiện.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông tin Viện kiểm sát chuyển đến, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện và trả lời cho Viện kiểm sát biết, trường hợp không khởi kiện phải nêu rõ lý do.

Điều 16. Thời hạn xem xét khởi kiện

1. Thời hạn Viện kiểm sát xem xét khởi kiện là 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn công bố trên phương tiện thông tin đại chúng.

2. Trường hợp chuyển giao cho Viện kiểm sát khác để khởi kiện thì thời hạn Viện kiểm sát nhận chuyển giao xem xét khởi kiện được tính từ ngày nhận được vụ án.

Đối với các vụ án lớn, phức tạp cần kéo dài thời hạn xem xét khởi kiện thì thời hạn xem xét khởi kiện được gia hạn tối đa 01 tháng; nếu cần tiếp tục gia hạn thì phải báo cáo Viện kiểm sát cấp trên để xem xét, quyết định nhưng tổng thời hạn không quá 06 tháng.

3. Thời gian chờ kết quả giám định, định giá, kiểm toán, khám nghiệm, ý kiến chuyên gia không tính vào thời hạn xem xét khởi kiện.

Chương III **HỖ TRỢ KHỞI KIỆN**

Điều 17. Các vụ án dân sự Viện kiểm sát hỗ trợ khởi kiện

Trong trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự có đề nghị thì Viện kiểm sát có thể hỗ trợ khởi kiện vụ án dân sự công ích.

Điều 18. Các hình thức hỗ trợ khởi kiện

Viện kiểm sát có thể thực hiện hỗ trợ khởi kiện thông qua các hình thức như hỗ trợ pháp lý, hỗ trợ thu thập chứng cứ. Việc Viện kiểm sát hỗ trợ khởi kiện phải được thông báo cho Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án dân sự công ích.

Điều 19. Rút thông báo hỗ trợ khởi kiện

1. Viện kiểm sát quyết định rút thông báo hỗ trợ khởi kiện trong các trường hợp sau:

a) Nguyên đơn tự ý thay đổi hoặc rút một phần yêu cầu khởi kiện mà không có lý do chính đáng, làm ảnh hưởng đến lợi ích công;

b) Nguyên đơn rút đơn khởi kiện hoặc đạt được thỏa thuận hòa giải với bị đơn nhưng gây tổn hại đến lợi ích công;

c) Các trường hợp khác Viện kiểm sát xét thấy không tiếp tục hỗ trợ khởi kiện.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định rút thông báo hỗ trợ khởi kiện, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho Tòa án có thẩm quyền và nguyên đơn.

3. Sau khi Viện kiểm sát rút thông báo hỗ trợ khởi kiện, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đủ để bảo vệ lợi ích công, Viện kiểm sát có thể khởi kiện vụ án dân sự công ích.

Chương IV

KHỞI KIỆN, THỤ LÝ, THAM GIA PHIÊN TOÀ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CÔNG ÍCH

Điều 20. Khởi kiện vụ án dân sự công ích

1. Viện kiểm sát khởi kiện vụ án dân sự công ích khi cơ quan, tổ chức, cá nhân tại khoản 2 Điều 15 Nghị quyết này không khởi kiện. Đối với vụ án dân sự công ích để bảo vệ quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương, Viện kiểm sát khởi kiện sau khi đã có ý kiến của chủ thể thuộc nhóm người dễ bị tổn thương đề nghị Viện kiểm sát khởi kiện do họ không có đủ năng lực để khởi kiện.

2. Viện kiểm sát gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi của người bị kiện xâm phạm quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự công ích. Đơn khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây:

- a) Tên Viện kiểm sát khởi kiện vụ án dân sự công ích;
- b) Tên, địa chỉ của người bị kiện;
- c) Tên, địa chỉ của người được bảo vệ quyền dân sự;
- d) Tên, địa chỉ của người có trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng;
- đ) Quyền, lợi ích bị xâm phạm;
- e) Yêu cầu khởi kiện và căn cứ thực tế;

3. Trong vụ án dân sự công ích, nếu bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố thì Tòa án không chấp nhận giải quyết.

Điều 21. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự công ích

Phương án 1: Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự công ích là 01 năm kể từ ngày Viện kiểm sát tiếp nhận thông tin về hành vi vi phạm xâm hại quyền dân sự của chủ thể thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công.

Phương án 2: Không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp Viện kiểm sát khởi kiện vụ án dân sự công ích.

Điều 22. Tòa án thụ lý vụ án

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý vụ án dân sự công ích, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện, người bị kiện, người có trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.

Điều 23. Nguyên tắc tiến hành hoà giải

1. Không áp dụng Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đối với vụ án dân sự công ích;

2. Sau khi Tòa án thụ lý, vụ án dân sự công ích được hoà giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thoả thuận hoà giải không được miễn, giảm trách nhiệm dân sự của người bị kiện nêu trong yêu cầu khởi kiện và không gây tổn hại đến lợi ích công.

Điều 24. Sự có mặt của Kiểm sát viên tại phiên tòa

1. Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa; nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.

2. Trường hợp Kiểm sát viên bị thay đổi tại phiên tòa hoặc không thể tiếp tục tham gia phiên tòa xét xử, nhưng có Kiểm sát viên dự khuyết thì người này được tham gia phiên tòa xét xử tiếp vụ án nếu họ có mặt tại phiên tòa từ đầu.

Điều 25. Nhiệm vụ của Kiểm sát viên tại phiên tòa

1. Khi tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Công bố đơn khởi kiện vụ án dân sự công ích;
- b) Trình bày, giải thích các chứng cứ đã được Viện kiểm sát thu thập, kiểm tra, xác minh;
- c) Tranh luận và phát biểu ý kiến tại phiên tòa;
- d) Thay đổi, rút một phần hoặc toàn bộ đơn khởi kiện;
- đ) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa;
- e) Tiến hành các hoạt động tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Kiểm sát viên phát hiện hoạt động xét xử có vi phạm pháp luật thì Kiểm sát viên có quyền kiến nghị ngay đối với Chủ tọa phiên tòa để khắc phục vi phạm.

Chương V

KHÁNG NGHỊ CỦA VIỆN KIỂM SÁT VÀ SỰ THAM GIA CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TOÀ PHIÊN TOÀ PHÚC THẨM, GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM

Điều 26. Kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát

Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án dân sự công ích.

Điều 27. Kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát

Viện kiểm sát kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật khi có các căn cứ kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 28. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát

1. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát phải bằng văn bản.
2. Kèm theo quyết định kháng nghị là tài liệu, chứng cứ bổ sung (nếu có) để chứng minh cho kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và hợp pháp.

Điều 29. Sự có mặt của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

1. Kiểm sát viên được Viện trưởng Viện kiểm sát phân công có nhiệm vụ tham gia phiên tòa; nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa.
2. Trường hợp Kiểm sát viên bị thay đổi tại phiên tòa hoặc không thể tiếp tục tham gia phiên tòa xét xử, nhưng có Kiểm sát viên dự khuyết thì người này được tham gia phiên tòa xét xử tiếp vụ án nếu họ có mặt tại phiên tòa từ đầu.

Điều 30. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm

1. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về quyết định kháng nghị, kháng cáo của đương sự và việc giải quyết vụ án dân sự công ích.
2. Sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án dân sự công ích.

Chương VI

THI HÀNH BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Điều 31. Bản án, quyết định được thi hành

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
2. Trường hợp bị đơn không thực hiện theo bản án, quyết định thì Tòa án chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự để thi hành án theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Án phí, lệ phí Tòa án, chi phí thi hành án

Viện kiểm sát không phải chi trả án phí, lệ phí Tòa án, chi phí thi hành án.

Điều 33. Kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án

Viện kiểm sát các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm sát việc tuân theo pháp luật về thi hành bản án, quyết định của Tòa án trong vụ

án dân sự công ích của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án nhằm bảo đảm việc thi hành án kịp thời, đầy đủ, đúng pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện Nghị quyết trong báo cáo công tác hằng năm và kết quả tổng kết khi kết thúc việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025 và được thực hiện trong 03 năm tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Đắk Lắk, trừ trường hợp Quốc hội có quyết định khác.

2. Thời điểm Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành mà vụ án dân sự công ích được giải quyết theo quy định của Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn